

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-PT
Ngày: 19 - 4 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;
Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Võ Thị T, Nguyễn Thị Mộng Th do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Thị T, sinh ngày 08/6/1946 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp TN, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn P (đã chết) và bà Đàm Thị Ph (đã chết); có chồng tên Nguyễn Văn V (chết năm 2018) và 02 con; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Mộng Th, sinh ngày 15/11/1977 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 8, ấp TN, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh (Giám đốc công ty TNHH ĐL); trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (chết năm 2018) và bà Võ Thị T (là bị cáo trong vụ án); có chồng tên Huỳnh

Văn Đ và 02 con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2004; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Võ Thị T và Nguyễn Thị Mộng Th:* Ông Trương Quốc P là luật sư Công ty luật NQ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 17, Đường 30/4, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* Chi cục thuế huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Quang T – Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Quang T: Ông Đoàn Quốc H, sinh năm 1972 – Chức vụ: Đội trưởng Đội kiểm tra thuế Chi cục thuế huyện TB, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018). (vắng mặt).

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐL (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH ĐL)

Địa chỉ trụ sở: Ấp TN, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mộng Th – Chức vụ: Giám đốc (là bị cáo trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) ĐL được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 03/4/2012; thuộc loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên; mã số doanh nghiệp: 3901069115; địa chỉ trụ sở chính: Số 1996, ấp TN, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Công ty có vốn điều lệ: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; gồm 02 thành viên góp vốn là Võ Thị T 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, Nguyễn Thị Mộng Th 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Võ Thị T giữ chức vụ Giám đốc Công ty (bà Võ Thị T giữ chức vụ Giám đốc từ ngày 03/4/2012 đến ngày 22/4/2014 đăng ký thay đổi lần thứ nhất, đổi đại diện pháp luật từ bà Võ Thị T – chức danh: Giám đốc sang người đại diện pháp luật mới là bà Nguyễn Thị Mộng Th cho đến nay).

Mặt hàng kinh doanh của Công ty là củ mì tươi, mì lát khô được nhập khẩu từ Campuchia qua khu vực cửa khẩu Xa Mát và cửa khẩu Chàng Riệc, sau đó bán lại cho khách hàng tại đây. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, bị cáo Mộng Th là người trực tiếp thực hiện các hoạt động: Kê khai các thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa, tìm đối tác, hợp đồng mua bán, viết hóa đơn xuất hàng, thanh toán tiền hàng hóa, thuê kế toán của doanh nghiệp, cung cấp các chứng từ cho kế toán thực hiện việc báo cáo thuế, quản lý con dấu của công ty. Bị cáo T có nhiệm vụ ký tên giám đốc công ty vào các tờ khai hàng hóa nhập khẩu, các hợp đồng giao dịch mua bán, hóa đơn bán hàng và giấy tờ khai thuế hàng tháng của công ty do Th cung cấp.

Trong thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2013, Công ty đã nhập khẩu 34.710.000 kg củ mì tươi và 13.370.021 kg mì lát khô, đã xuất bán hết. Tuy nhiên, Công ty mới kê khai thuế đối với 28.710.000 kg củ mì tươi và 3.050.457 kg mì lát khô. Số còn lại là 6.000.000 kg củ mì tươi và 10.319.564 kg mì lát khô đã xuất bán hết trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 6/2013 nhưng không ghi chép các khoản doanh thu bán hàng trên sổ kế toán, không lập hóa đơn bán hàng giao cho người mua, không kê khai nộp thuế theo quy định. Ngày 23/7/2013, Chi cục thuế huyện TB kiểm tra tại Công ty phát hiện sai phạm nên ngày 22/10/2013 đã ban hành thông báo về việc hóa đơn giá trị gia tăng của công ty ĐL không còn giá trị sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Võ Thị T và Nguyễn Thị Mộng Th đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

*** Kết quả giám định thuế:**

- Tại Bản Kết luận số 4813/KQGD-CT, ngày 11/11/2016 của Cục thuế tỉnh Tây Ninh kết luận:

+ Về thuế giá trị gia tăng: Từ tháng 3/2013 đến tháng 6/2013, Công ty TNHH ĐL có hành vi bán hàng (6.000.000 kg củ mì tươi và 10.319.546 kg mì lát khô) nhưng không xuất hóa đơn, không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, trốn thuế với số tiền là 3.381.453.707 đồng.

+ Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Đối với số hàng hóa (6.000.000 kg củ mì tươi và 10.319.546 kg mì lát khô), Công ty xuất bán không lập hóa đơn, không kê khai thuế giá trị gia tăng trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 6/2013: sau khi Chi cục thuế huyện TB kiểm tra xong, trong tháng 8 và tháng 9/2013 công ty TNHH ĐL đã hợp thức hóa ghi chép, xuất hóa đơn và báo cáo thuế phù hợp với hàng hóa nhập vào, xuất ra trong thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013. Do đó, chưa có đủ cơ sở xác định

công ty TNHH ĐL có hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hàng hóa nêu trên.

- Tại Bản kết luận giám định thuế số 6211/KLGĐ-CT, ngày 28/12/2017 của Cục thuế tỉnh Tây Ninh kết luận: Nghĩa vụ nộp thuế Giá trị gia tăng Công ty TNHH ĐL phải kê khai nộp ngân sách Nhà nước đối với số lượng hàng hóa mà Công ty TNHH ĐL bán 6.000.000 kg củ mì tươi cho ty TNHH MTV Huỳnh Tấn Lộc với giá 2.000 đồng/kg và bán 10.319.546 kg mì lát khô cho Công ty TNHH Thịnh Phát BP với giá 4.300 đồng/kg, tổng số tiền 2.818.702.390 (hai tỷ, tám trăm mười tám triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, ba trăm chín mươi) đồng.

* Kết quả xác minh tài sản: Công ty TNHH ĐL và Võ Thị T, Nguyễn Thị Mộng Th không còn tài sản có giá trị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị T, Nguyễn Thị Mộng Th phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Võ Thị T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐL nộp 2.818.702.000 (hai tỷ, tám trăm mười tám triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn) đồng (làm tròn số) cho Chi cục Thuế huyện TB, tỉnh Tây Ninh để nộp vào ngân sách Nhà Nước. Ghi nhận hai bị cáo Võ Thị T và Nguyễn Thị Mộng Th đã nộp 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng tại biên lai số 0001556 ngày 01/6/2017 và biên lai thu số 0001585 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB. Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐL còn phải nộp 2.793.702.000 (hai tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018 bị cáo T, Th có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án vì chưa đủ cơ sở pháp lý để xét xử và buộc tội 02 bị cáo về tội “Trốn thuế”.

Tại phiên tòa bị cáo Th thay đổi nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, đã tích cực khắc phục hậu quả, có cơ sở xem xét khoản 2 Điều 51; Điều 54 cho bị cáo Th và T. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 12 đến 18 tháng tù; Đối với bị cáo T cần giảm một phần hình phạt tù và cho hưởng án treo cho phù hợp.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Đối với bị cáo T sức khỏe yếu không thể tham gia phiên tòa và có đề xuất là không kháng cáo nữa.

Đối với bị cáo Th: Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; có cha và chồng có bằng khen trong quá trình công tác; đặc biệt do nhận thức rõ hành vi phạm tội nên đã cố gắng khắc phục được số tiền 1.025.000.000 đồng trốn thuế, đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; hành vi phạm tội xảy ra thời gian đã lâu, bị cáo khắc phục được số tiền lớn, mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, đề xuất áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lao động tiếp tục khắc phục phần hậu quả còn lại.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 290; Điều 352 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo T.

Tại cấp phúc thẩm, luật sư đề xuất nguyện vọng của bị cáo T rút kháng cáo, tuy nhiên ngoài lời trình bày thì không có chứng cứ gì thể hiện, do đó Hội đồng xét xử vẫn xem xét kháng cáo của bị cáo T. Đối với bị cáo Th thay đổi nội dung kháng cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt; đã cung cấp các biên lai số 0001330 ngày 22/14/2018; 0001244 ngày 25/12/2018; 0001451 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TB thể hiện bị cáo đã nộp tổng cộng 1.000.000.000 đồng (một tỷ) khắc phục hậu quả.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐL (Công ty ĐL) được thành lập vào ngày 03/4/2012, thuộc loại hình công ty có hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3901069115, địa chỉ trụ sở chính: số 1996, ấp TN, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng, gồm 02 thành viên góp vốn là Võ Thị T 500.000.000 đồng và Nguyễn Thị Mộng Th 500.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị T – Giám đốc Công ty.

Mặt hàng công ty kinh doanh là của mì tươi và mì lát khô được nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam qua khu vực cửa khẩu Xa Mát và cửa khẩu Chàng Riệc, sau đó bán lại cho khách hàng. Trong quá trình hoạt động từ tháng 01/2013 đến 06/2013 Công ty ĐL đã xuất bán hàng hóa nhưng qua kiểm tra sổ sách và tài liệu do Chi cục thuế TB cung cấp thể hiện không ghi sổ sách đối với số lượng hàng là 6.000.000 kg củ mì tươi và 10.319.564 kg mì lát khô, trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 6/2013, không ghi chép các khoản doanh thu bán hàng trên sổ kế toán, không lập hóa đơn bán hàng giao cho người mua, không kê khai nộp thuế theo quy định. Tại Kết luận giám định thuế số 6211/KLGD-CT ngày 28/12/2017 của Cục thuế tỉnh Tây Ninh xác định số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty ĐL phải nộp cho ngân sách Nhà nước là 2.818.702.390 đồng. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Điều 7 và Điều 108 Luật quản lý thuế. Cấp sơ thẩm xét xử 02 bị cáo T, Th về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách thuế của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự quản lý việc thu thuế nộp ngân sách cho Nhà nước.

Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức rõ việc nhập và bán hàng phải thực hiện đúng quy định, báo cáo doanh thu và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước nhưng sau khi bán hết hàng đã nhập vào công ty đã cố ý không báo cáo nhằm trốn tránh nghĩa vụ thuế vì mục đích, động cơ tư lợi cá nhân. Cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tại Công văn số 1401/CV-CCT Ngày 25/10/2017 của Chi cục Thuế huyện TB cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép đối với Công ty và tại Công văn số 83a/SKHĐT- ĐKKD ngày 09/11/2017 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với công ty.

Như vậy, công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên mọi nghĩa vụ về tài chính sẽ do người đại diện theo pháp luật (ngày 22/4/2014

đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật) thực hiện là bị cáo Nguyễn Thị Mộng Th.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

+ Đối với bị cáo Võ Thị T tại thời điểm xảy ra vụ án là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty DL, là người điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty, giám sát về hoạt động khai thuế đối với cơ quan thuế nhưng không thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, ký tên vào các giấy tờ do bị cáo Th soạn thảo mà không kiểm tra. Xem xét bị cáo là mẹ ruột của bị cáo Th, là người đủ 70 tuổi, với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm đã áp dụng chế định án treo là phù hợp.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mộng Th là thành viên công ty, trực tiếp thực hiện các hoạt động kê khai các thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa, tìm đối tác, soạn thảo hợp đồng mua bán, viết hóa đơn, thanh toán tiền hàng, cung cấp các chứng từ cho kế toán thực hiện báo cáo thuế và quản lý con dấu của công ty. Bị cáo là người thực hiện tội phạm tích cực, số tiền trốn thuế rất lớn.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo tiếp tục nộp số tiền 1.000.000.000 đồng, đây là nghĩa vụ bị cáo phải thi hành, tuy nhiên xét thấy bị cáo có thiện chí khắc phục, có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, từ năm 2013 đến nay đã hơn 06 năm, bị cáo khắc phục được một phần hậu quả, hiện còn lại 1.793.702.000 đồng, có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe. Do đó, có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đối với bị cáo Th không đủ điều kiện áp dụng chế định án treo.

[6] Về án phí: Kháng cáo của hai bị cáo được chấp nhận nên hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị T, Nguyễn Thị Mộng Th.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị T, Nguyễn Thị Mộng Th phạm tội “Trốn thuế”

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2018).

Giao bị cáo Võ Thị T về Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi địa chỉ, nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Võ Thị T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mộng Th 01 (một) năm tù**. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mộng Th và Võ Thị T nộp số tiền 2.818.702.000 đồng (hai tỷ, tám trăm mười tám triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn) cho Chi cục Thuế huyện TB, tỉnh Tây Ninh để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Th, bị cáo T đã nộp 1.025.000.000 đồng (một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu), theo các biên lai thu số 0001556 ngày 01/6/2017 (số tiền 5.000.000 đồng); Biên lai thu số 0001585 ngày 19/6/2018 (số tiền 20.000.000 đồng); Biên lai thu số 0001330 ngày 22/11/2018 (số tiền 400.000.000 đồng); biên lai thu số 0001244 ngày 25/12/2018 (số tiền 300.000.000 đồng); Biên lai thu số 0001451 ngày 11/3/2019 (số tiền 300.000.000 đồng) của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TB. Hai bị cáo còn phải liên đới nộp số tiền 1.793.702.000 đồng (một tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn). Trong đó, bị cáo Th chịu trách nhiệm thi hành số tiền trên. Nếu bị cáo Th không có khả năng thi hành án thì bị cáo T có nghĩa vụ thi hành số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo chưa thi hành án khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1. TANDTC. tại Hà Nội;
- VKSND. huyện TB;
- TAND huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Phòng PV27. CATN;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang